

Số: 16

Ngày 25/4/2022

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Lãnh sự danh dự có thể thực hiện các hoạt động thương mại sinh lợi tại Việt Nam.
- Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Trong quý IV/2022, ban hành giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động.
- Quy hoạch vùng đồng bằng sông

Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phấn đấu xuất khẩu hàng hóa tăng 6-7%/năm trong thời kỳ 2021-2030.
- Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài.
- Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh giảng viên đại học.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Trả kết quả trực tiếp giải quyết thủ tục về con dấu như thế nào?
- Công an cấp huyện được đăng ký, cấp biển số các loại xe nào?
- Công an cấp xã được đăng ký, cấp biển số các loại xe nào?
- Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. LÃNH SỰ DANH DỰ CÓ THỂ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI SINH LỢI TẠI VIỆT NAM

Đây là nội dung đáng chú ý được Chính phủ thông qua trong Nghị định 26/2022/NĐ-CP về viên chức Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam ngày 14/4/2022.

Theo đó, lãnh sự danh dự thực hiện chức năng lãnh sự theo nguyên tắc: Cơ quan lãnh sự danh dự và Lãnh sự danh dự chỉ được phép thực hiện các chức năng lãnh sự tại khu vực lãnh sự nhất định tại Việt Nam sau khi được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp Giấy chấp nhận Lãnh sự danh dự trên cơ sở phù hợp với luật pháp quốc tế, pháp luật Việt Nam; lãnh sự danh dự thực hiện một số hoặc toàn bộ chức năng lãnh sự quy định tại Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự, theo sự ủy nhiệm của Nước cử và được Bộ Ngoại giao chấp thuận; lãnh sự danh dự thực hiện chức năng lãnh sự không vì mục tiêu lợi nhuận hay lợi ích về kinh tế mà nhằm thúc đẩy quan hệ giữa Nước cử và Việt Nam...

Lãnh sự danh dự phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có quốc tịch Nước cử hoặc quốc tịch Việt Nam. Trường hợp là người có quốc tịch của nước thứ ba hoặc người có hai hay nhiều quốc tịch thì phải được sự đồng ý của Bộ Ngoại giao, sự đồng ý về quốc tịch này có thể bị rút lại vào bất kỳ lúc nào mà không cần nêu lý do; thường trú tại Việt Nam hoặc đã cư trú, làm việc ít nhất 01 năm tại khu vực lãnh sự; không phải là cán

bộ công chức, viên chức hoặc người lao động nhận lương từ ngân sách Nhà nước của bất kỳ nước nào. Thứ tư, có khả năng tài chính, uy tín trong xã hội...

Đặc biệt, Lãnh sự danh dự có thể đồng thời thực hiện chức năng lãnh sự được Nước cử ủy nhiệm và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại sinh lợi của cá nhân tại Việt Nam; phù hợp với quy định tại các điều ước quốc tế mà Nước cử và Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, Lãnh sự danh dự không được sử dụng giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự, túi ngoại giao, túi lãnh sự, điện mật mã đề liên hệ với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Nước cử hoặc với Chính phủ của Nước cử, trừ trường hợp đặc biệt sau khi được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép. Thành viên gia đình của Lãnh sự danh dự không được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/6/2022.

2. QUY ĐỊNH CƠ CHẾ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Ngày 19/4/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 27/2022/NĐ-CP về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Nghị định này quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về: Lập và giao kế hoạch thực

hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm; huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia; giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.

Cụ thể, các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư. Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách Nhà nước.

Bên cạnh đó, Chính phủ quy định 05 tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù đó là: Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia; dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; thuộc danh mục loại dự án

được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 19/4/2022.

3. TRONG QUÝ IV/2020, BAN HÀNH GIÁ DỊCH VỤ TƯ VẤN GIỚI THIỆU VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngày 19/4/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 486/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022-2024.

Theo đó, các Bộ, cơ quan khẩn trương triển khai các nhiệm vụ sau: Rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định, hiệu quả, triệt để tiết kiệm gắn với kết quả phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm thuận lợi đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế tinh gọn, phù hợp với nhiệm vụ được giao; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự toán, quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đảm bảo phát hiện, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý

nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện.

Bộ Tài chính xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2024 trong Quý I/2022; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định, không trùng lặp với kế hoạch kiểm toán, thanh tra của cơ quan Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp trong Quý IV/2022; xây dựng và ban hành giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp trong Quý IV/2022. Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giám sát việc thực hiện dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, rà soát trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 19/4/2022.

4. QUY HOẠCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Ngày 19/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 492/QĐ-

TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, phạm vi, ranh giới quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính đất liền và không gian biển của thành phố Hà Nội, thành Hải Phòng và 9 tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình; phía Bắc, Đông Bắc và phía Tây, Tây Nam giáp vùng trung du và miền núi phía Bắc; phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ. Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch về mặt không gian được mở rộng đến các khu vực có ảnh hưởng và tác động đến vùng đồng bằng sông Hồng về các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh, liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

Lập quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng bảo đảm khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trên cơ sở kết nối các địa phương trong vùng. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường với bảo đảm quốc phòng an ninh, củng cố vững chắc an ninh nội địa, bảo đảm công tác phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ vùng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác, sử dụng hợp

lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của vùng.

Việc lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải tuân thủ một số nguyên tắc. Cụ thể, bảo đảm tuân thủ các quy định về quy trình, nội dung, nguyên tắc lập quy hoạch theo quy định; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng huy động các nguồn lực trong giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Bên cạnh đó, việc lập Quy hoạch phải bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế, liên kết vùng; và bảo đảm có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan, lấy ý kiến rộng rãi các tầng lớp xã hội.

Một số nội dung chính của Quy hoạch như sau: xác định quan điểm và mục tiêu phát triển vùng; xây dựng phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; xây dựng phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng; xây dựng phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng; xây dựng phương hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng...

Quyết định có hiệu lực từ ngày 19/4/2022.

5. PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2030 XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TĂNG 6-7%/NĂM

Ngày 19/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 493/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chiến lược như sau: tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 6-7%/năm trong thời kỳ 2021-2030; tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân 5-6%/năm trong thời kỳ 2021-2030; cân bằng cán cân thương mại trong giai đoạn 2021-2025, tiến tới duy trì thặng dư thương mại bền vững giai đoạn 2026-2030; tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu lên 88% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; tăng tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực châu Âu lên 16-17% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 18 - 19% vào năm 2030; khu vực châu Mỹ lên 32 - 33% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 33 - 34% vào năm 2030; tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực châu Á vào khoảng 49 - 50% vào năm 2025 và 46 - 47% vào năm 2030...

Định hướng xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 là: Đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường; hướng đến cán cân thương mại song phương lành mạnh, hợp lý, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn; khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN; đẩy mạnh khai thác các thị trường còn tiềm năng như

Hoa Kỳ, Nga, Đông Âu, Bắc Âu, Ấn Độ, châu Phi, Trung Đông và châu Mỹ La tinh... hướng đến xây dựng các khuôn khổ thương mại ổn định, lâu dài; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu thị trường nhập khẩu theo hướng giảm tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ thấp, công nghệ trung gian, tăng tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn.

Các giải pháp thực hiện chiến lược cụ thể: Phát triển sản xuất, tạo nguồn cung bền vững cho xuất khẩu; phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn; hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý nhà nước trong tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi thương mại, chống gian lận thương mại và hướng tới thương mại công bằng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

cho phát triển xuất khẩu, nâng cấp cơ sở hạ tầng kho vận, giảm chi phí logistics; quản lý và kiểm soát nhập khẩu đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất trong nước và hướng đến cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý; nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp hạt nhân, thúc đẩy hình thành các chuỗi giá trị xuất khẩu quy mô lớn...

Nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược được bố trí từ các nguồn: ngân sách Nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; trong đó nguồn ngân sách Nhà nước mang tính hỗ trợ một phần theo khả năng cân đối.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 19/4/2022.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NƯỚC NGOÀI

Ngày 06/4/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 23/2022/TT-BTC về việc hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, bao gồm: Viện trợ hỗ trợ ngân sách cho ngân sách trung ương hoặc cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; viện trợ độc lập

hoặc viện trợ kèm theo khoản vay cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, hoặc viện trợ trực tiếp cho chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; viện trợ phi dự án để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, bao gồm cả chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp tỉnh, hoặc trực tiếp hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.

Các khoản viện trợ tài chính được quản lý theo nguyên tắc: Mọi khoản viện trợ đều phải được phân loại, quản lý, theo dõi và hạch toán theo từng phương thức tài trợ; tính chất khoản chi ngân sách nhà nước,

phương thức tổ chức thực hiện; vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được dự toán, hạch toán đầy đủ, kịp thời; quyết toán theo quy định về quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và quyết toán chi của chương trình, dự án, khoản viện trợ; cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước sát khả năng thực hiện trong năm để tiếp nhận, thực hiện, hạch toán, quyết toán thu chi ngân sách nhà nước đối với khoản viện trợ theo quy định tại Thông tư này...

Theo đó, đối với viện trợ bằng tiền hỗ trợ ngân sách, căn cứ hiệp định, thỏa thuận viện trợ, Bộ Tài chính phối hợp với bên tài chính giải ngân vốn viện trợ về ngân sách Nhà nước, chuyển ngoại tệ về Quỹ ngoại tệ tập trung của ngân sách nhà nước.

Đối với khoản viện trợ hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, sau khi vốn viện trợ được giải ngân về ngân sách nhà nước theo quy định trên, căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được phê duyệt, quyết định phê duyệt chương trình, dự án và tiến độ thực hiện chương trình, dự án cụ thể, chủ chương trình, dự án thực hiện rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Bên cạnh đó, với viện trợ bằng tiền cho chương trình, dự án, phi dự án do chủ chương trình, dự án bên Việt Nam thực hiện, việc giải ngân vốn viện trợ từ tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại căn cứ thỏa thuận viện trợ, quyết định phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án của cấp có thẩm quyền, dự toán chi ngân sách

nhà nước; tiến độ thực hiện chương trình dự án và xác nhận kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/05/2022.

7. CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC

Ngày 20/4/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua Quyết định 1079/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

Theo đó, các cơ sở giáo dục được thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng phải đủ các điều kiện sau: có tối thiểu 70% giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các chuyên đề trong Chương trình bồi dưỡng; được phép đào tạo từ trình độ đại học trở lên, được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo...

Đồng thời, khối lượng kiến thức và thời gian bồi dưỡng được chia thành 3 phần, 11 chuyên đề. Tổng thời gian bồi dưỡng là 6 tuần x 5 ngày làm việc/tuần x 8 tiết/ngày = 240 tiết. Cụ thể, phân bổ thời gian như sau: Lý thuyết, thảo luận, thực hành là 196 tiết; Ôn tập, kiểm tra là 16 tiết; Tìm hiểu thực tế và viết thu hoạch là 24 tiết; Công tác tổ chức lớp (khai giảng, bế giảng) là 4 tiết.

Ngoài ra, đánh giá kết quả bồi dưỡng được thực hiện bằng việc đánh giá ý thức học tập của học viên theo quy chế học tập của cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng. Đánh giá chung cho toàn chương trình thông qua bài thu hoạch cuối

khóa, chấm theo thang điểm 10. Học viên không đạt 5 điểm trở lên phải viết lại bài thu hoạch. Sau khi viết lại bài thu hoạch, nếu không đạt được 5

điểm trở lên thì học viên không được cấp Chứng chỉ...

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2022.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG BẮT BUỘC THỂ HIỆN TRÊN NHÃN HÀNG HÓA BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

Thực hiện Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, nhằm mục đích tạo môi trường thuận lợi cho kinh doanh, hội nhập quốc tế, đẩy mạnh áp dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất kinh doanh và quản lý, và tạo thuận lợi thương mại, bảo vệ lợi ích quốc gia và quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa đã có quy định về việc thể hiện một số ghi nhãn bắt buộc bằng phương thức điện tử.

Trước yêu cầu hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và từ sự cần thiết của thực tế qua kiến nghị của các doanh nghiệp thì Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử.

Dự thảo Thông tư gồm 03 Chương, 10 Điều áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam, tổ chức cá nhân nhập khẩu hàng hóa có thể hiện nội dung ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử, cơ quan nhà nước và tổ chức cá nhân có liên quan.

Ghi nhãn bằng phương thức điện tử là thông tin được hiển thị qua phương tiện điện tử được kết nối với hàng hóa theo chỉ dẫn cụ thể trên nhãn. Nội dung ghi nhãn điện tử được thể hiện bằng một hoặc nhiều phương thức sau: Thể hiện trên website có chỉ dẫn cụ thể thông tin đường dẫn trên nhãn hàng hóa gắn trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa; thể hiện trên mã quét, mã QR, mã số, mã vạch có gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa. Vị trí thể hiện ghi nhãn bằng phương thức điện tử phải được gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa, có thể đọc được dễ dàng bằng mắt thường và thiết bị phù hợp.

Ngoài ra, dự thảo cũng nêu rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc ghi nhãn phương thức điện tử. Theo đó, phải đảm bảo các phương thức điện tử được sử dụng

như đường dẫn website, mã quét, mã QR là trung thực, chính xác, phải tra cứu được.

Website chứa thông tin ghi nhãn phải được duy trì đầy đủ thông tin cho đến hết thời hạn sử dụng của sản phẩm. Trường hợp thông tin ghi nhãn được sửa đổi, cập nhật thì phải được thể hiện kịp thời, đầy đủ các nội dung liên quan (thời gian, nội dung thay đổi). Trường hợp có thay đổi nội dung ghi nhãn hàng hóa thì phải cập nhật thông tin trên đường dẫn website hiện hành, doanh

ngiệp phải lưu hồ sơ về việc thay đổi nội dung ghi nhãn hàng hóa, cung cấp cho cơ quan quản lý khi có yêu cầu. Trường hợp sử dụng mã số mã vạch thì phải được kết nối từ cơ sở dữ liệu mã số mã vạch quốc gia, quốc tế.

Hiện dự thảo đang được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân đến hết ngày 15/6/2022.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Trả kết quả trực tiếp giải quyết thủ tục về con dấu như thế nào?*

Trả lời: Cán bộ trả kết quả giải quyết thủ tục về con dấu căn cứ hình thức tương ứng đã nộp hồ sơ trước đó hoặc theo lựa chọn của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đề nghị giải quyết thủ tục về con dấu thực hiện việc trả kết quả trực tiếp như sau: Kiểm tra Giấy biên nhận hồ sơ; đối chiếu thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến nhận kết quả; giấy giới thiệu hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Đối với hồ sơ đăng ký mẫu con dấu mới, đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi, đăng ký thêm con dấu, đăng ký lại mẫu con dấu do cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước bị mất con dấu, đăng ký mẫu con dấu do tổ chức nước ngoài mang con dấu vào Việt Nam để sử dụng: Trả con dấu

và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; đề nghị người nhận kết quả ký giao, nhận theo nội dung thông tin quy định tại Sổ giao, nhận con dấu mới.

- Đối với hồ sơ đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng, thay đổi chất liệu, không đúng theo mẫu quy định hoặc cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; thu hồi con dấu đã được cấp trước đó theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này; trả Giấy chứng nhận thu hồi con dấu; trả con dấu mới; trả Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; đề nghị người nhận kết quả ký giao, nhận theo nội dung thông tin tại Sổ giao, nhận con dấu mới và Sổ giao, nhận con dấu thu hồi.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó; trả Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu: Trả Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

Điều này được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2022/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 06/4/2022.

2. Hỏi: Công an cấp huyện được đăng ký, cấp biển số các loại xe nào?

Trả lời: Theo điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 15/2022/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 06/4/2022 quy định Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) đăng ký, cấp biển số các loại xe sau đây (trừ các loại xe của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 3 Thông tư này):

- Xe ô tô, xe máy kéo, rơmoóc, sơ mi rơmoóc và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú trên địa phương mình.

- Xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương mình và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, của dự án, tổ chức

kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương mình.

3. Hỏi: Công an cấp xã được đăng ký, cấp biển số các loại xe nào?

Theo điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 15/2022/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 06/4/2022 quy định Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương mình và cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, của dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương mình; tổ chức thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe hết niên hạn sử dụng, xe hỏng không sử dụng được của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương.

4. Hỏi: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời?

Trả lời: Theo Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2022/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 06/4/2022 quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời như sau:

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời trên Công Dịch vụ công Bộ Công an hoặc Công Dịch vụ công quốc gia: Chủ xe đăng nhập công dịch vụ công kê khai các thông tin của xe, chủ xe vào Giấy khai đăng ký xe điện tử (theo mẫu số 01B/58) (ghi rõ số tờ khai

hải quan điện tử, số phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng để kiểm tra thông tin nguồn gốc phương tiện) và gửi các tài liệu đính kèm (chứng từ chuyển quyền sở hữu xe, giấy ủy quyền người kê khai làm thủ tục đăng ký tạm thời); nộp lệ phí đăng ký xe tạm thời; nhận kết quả xác thực đăng ký xe tạm thời của cơ quan đăng ký xe trên công dịch vụ công và in chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời điện tử (theo mẫu số 05A/58) đối với xe nhập khẩu hoặc xe sản xuất lắp ráp trong nước lưu hành từ kho, cảng, nhà máy, đại lý xe đến nơi đăng ký hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác, xe đi

chuyển đi địa phương khác, xe tái xuất về nước hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời trong trường hợp chủ xe đến đăng ký trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: Chủ xe nộp giấy tờ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này (không phải mang xe đến để kiểm tra); cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ đăng ký xe hoàn thiện hồ sơ và thực hiện cấp ngay Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm thời./.